

# Nghiên cứu, khảo sát lớp từ ngữ thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong sách Tiếng Việt Lớp 5

Chu Thị Hà Thanh\*, Vũ Thị Yến Nhi\*\*

\* TS. Trường Đại học Vinh

\*\* Cao học K29, Trường Đại học Vinh

Received: 26/4/2023; Accepted: 4/5/2023; Published: 8/5/2023

**Abstract:** The word “superlative” expresses represents the cognitive and cultural characteristics of the Vietnamese people and is commonly used in speech and literature. The article has the content of studying the “superlative” expresses of words in various aspects: surveying the data of reading exercises, analyzing the structure and descriptive categories, understanding the effects of this class of words, then creating a basis for teaching reading comprehension and applying it to writing essays in primary school.

**Keywords:** “Superlative” expresses, 5th grade Vietnamese books, Readings

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt, các từ biểu thị tính chất, trạng thái như *cao, thấp, to, nhỏ, đen, trắng, xanh, tím, sáng, tối, xa, gần*, v.v. được kết hợp với những tiếng như *au, áp, lác, nghệu, nhòng, sì, tè, xít*, v.v. theo cú pháp nhất định tạo nhiều hình thức diễn đạt vừa biểu hiện ý nghĩa “cực cấp”, vừa miêu tả những đặc điểm, sắc thái khác nhau của tính chất, trạng thái đó. Các kết quả kết hợp đó là: *cao nhòng/ vút/ nghệu/ v.v., thấp tè/ chùn/ v.v., đen lác/ sì/ thui/ v.v., to đùng/ bành/ v.v., nhỏ xíu/ téo/ v.v., trắng phau/ xóa/ tinh/ v.v., xanh biếc/ um/ v.v., tím ngắt/ rịm/ v.v., sáng trung/ rực/ quắc/ v.v., tối hù/ om/ v.v., xa lác/ hút/ v.v., gần xít/ xệu*, v.v.. Các nhà nghiên cứu gọi những hình thức diễn đạt này là từ ngữ chỉ mức độ cao (Huỳnh Thị Hồng Hạnh, 2002) hoặc từ ngữ thể hiện ý nghĩa cực cấp (M. Prévot, 2007). Chúng tôi gọi lớp từ này là từ ngữ “cực cấp” (*Superlative expresses*).

Từ ngữ “cực cấp” được biểu hiện bằng những hình thức cấu trúc: từ đơn (*ấp, biếc, khú, ngồng, thăm*, v.v.); ngữ đoạn 2 tiếng (*đen sì, xanh biếc, cao ngồng, già khú, xa thăm*, v.v.); ngữ đoạn 3 tiếng (*đầy ăm ắp, xanh biêng biếc, xa thăm thăm, cao chông ngồng, béo múp míp, đỏ chon chót, đông nghìn nghịt*, v.v.); ngữ láy đôi (*ăm ắp, biêng biếc, thăm thăm, chông ngồng*, v.v.); ngữ láy ba/ tư (*khít khin khịt, sạch sành sanh, sát sần sạt, béo múp béo míp, trống ho trống hoác*, v.v.); thành ngữ so sánh (*chậm như rùa, nhanh như cắt*, v.v.); thành ngữ không so sánh (*hồn siêu phách lạc, lặng tiếng im hơi*, v.v.).

Khảo sát sách Tiếng Việt 5 chương trình tiểu học hiện hành, chúng tôi nhận thấy lớp từ ngữ “cực cấp”

xuất hiện trong một số ngữ liệu văn học. Chúng tôi tìm hiểu, thống kê lớp từ ngữ “cực cấp” có trong các bài tập đọc, tiên hành phân tích, nhận xét về mặt số lượng, giải thích nghĩa của lớp từ này để giúp HS (HS) học tốt hơn ở phần đọc hiểu văn bản và từ đó có điều kiện luyện từ và câu, viết bài làm văn.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Từ “cực cấp” trong các bài tập đọc sách Tiếng Việt 5

#### 2.1.1. Số lượng

Theo phân bố chương trình trong sách Tiếng Việt 5, Tập đọc được phân bổ 2 tiết/ tuần (không tính tuần ôn tập), mỗi tiết, HS tập đọc một đoạn/ bài văn/ thơ theo số lượng như sau:

- Học kỳ 1 (16 tuần): 32 bài tập đọc, trong đó có 22 bài văn xuôi và 10 bài thơ;

- Học kỳ 2 (15 tuần): 30 bài tập đọc, trong đó có 22 bài văn xuôi và 8 bài thơ.

Như vậy, trong năm học, HS lớp 5 được học 62 bài tập đọc, trong đó có 44 bài văn xuôi và 18 bài thơ. Khảo sát 62 bài tập đọc lớp 5, chúng tôi thu được:

- Số lượng bài tập đọc có từ ngữ “cực cấp” chiếm gần hoặc hơn phân nửa tổng số bài tập đọc (46,8%);

- Văn bản văn xuôi gấp 2,4 lần văn bản thơ - tuy nhiên, từ ngữ “cực cấp” lại chỉ lớn hơn 1, 4 lần.

Bảng 2.1. Số lượng từ ngữ “cực cấp” trong các bài tập đọc lớp 5

Số lượng	Văn	Thơ	Tổng
Bài Tập đọc có từ ngữ “cực cấp”	17	12	29
Từ ngữ “cực cấp” trong các bài Tập đọc	38 (66,7%)	19 (33,3%)	57

Nhìn vào bảng trên, chúng ta thấy, số lượng từ ngữ “cực cấp” có trong bài tập đọc thể loại văn xuôi gấp hai lần số lượng từ ngữ “cực cấp” trong bài tập đọc thể loại thơ.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thống kê được: trong mỗi bài tập đọc thường có từ 1 đến 2 từ ngữ “cực cấp” khác cấu trúc và phổ biến là 1 từ ngữ “cực cấp” xuất hiện 1 lần/ bài. Nhưng cũng có những bài tập đọc có từ 3 đến 9 từ ngữ “cực cấp”, ví dụ: Quang cảnh làng mạc ngày mùa: 9; Kì diệu rừng xanh: 6; Mùa thảo quả: 5; Chuyện một khu vườn nhỏ: 4; Buôn Chư Lênh đón cô giáo: 3; Tiếng rao đêm, Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Những cánh buồm, mỗi bài: 3. Trong đó, có một số từ ngữ được lặp lại từ 1 đến 2 lần trong một bài hoặc khác bài, như: rục: 2 lần; đằm, bạc phơ, bát ngát, tí hon, xanh biếc: 1 lần.

### 2.1.2. Cấu trúc

Qua khảo sát, có thể thấy, từ ngữ “cực cấp” có cấu trúc ngữ đoạn 2, 3 tiếng và ngữ láy như *bạc phơ, bát ngát, cao vút, trong veo, vàng hoe, im thin thít, tí hon, xanh biếc*, v.v.. Xuất hiện trong nhiều bài Tập đọc lớp 5 là những từ ngữ phổ biến, phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học.

**Bảng 2.2. Cấu trúc của lớp từ ngữ “cực cấp” trong sách Tiếng Việt 5**

Cấu trúc từ ngữ “cực cấp”	Số lượng và tỉ lệ
Từ 1 tiếng	3/57 (5,2%)
Ngữ đoạn 2 tiếng	38/57 (66,7%)
Ngữ đoạn 3 tiếng	5/57 (8,8%)
Ngữ láy đôi	9/57 (15,8%)
Ngữ láy 3/ 4 tiếng	0
Thành ngữ	2/57 (3,5%)

### 2.1.3. Phạm trù miêu tả

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy sách Tiếng Việt 5 cung cấp từ ngữ “cực cấp” thuộc các phạm trù miêu tả thông thường, phù hợp với năng lực HS tiểu học. Với 57 từ ngữ “cực cấp” có trong sách Tiếng Việt 5, những phạm trù của chúng thể hiện là: màu sắc: 21/57 (47,4%); chiều kích: 12/57 (21,1%); chất lượng: 6/57 (10,5%); hình thể: 5/57 (8,8%); nhiệt độ: 3/57 (5,3%); tốc độ: 2/57 (3,5%); kết tinh: 2/57 (3,5%); âm lượng, độ nhìn, hương vị, trạng thái tinh thần, độ ẩm, bén sắc, chín: 1/57 (1,8%). Có thể nhận thấy sách Tiếng Việt 5 chú trọng cung cấp từ ngữ “cực cấp” thuộc các phạm trù miêu tả về màu sắc, chiều kích, hình thể, chất lượng, âm lượng, nhiệt độ,

độ nhìn, số lượng, hương vị. Đây là những phạm trù miêu tả thông thường, phổ biến và phù hợp với HS tiểu học. Với lượng tuy không nhiều nhưng cũng đủ giúp HS lớp 5 mở rộng vốn từ, có một lượng từ ngữ “cực cấp” cơ bản để có thể áp dụng, vận dụng trong quan sát, cảm nhận, miêu tả chi tiết, cụ thể về đặc điểm, sắc thái của tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng chung quanh, gần gũi với các em.

**Bảng 2.3. Các phạm trù miêu tả của lớp từ ngữ “cực cấp” trong sách Tiếng Việt 5**

Các phạm trù miêu tả	Số lượng và tỉ lệ
Màu sắc	21/57 (47,4%)
Chiều kích	12/57 (21,1%)
Chất lượng	6/57 (10,5%)
Hình thể	5/57 (8,8%)
Nhiệt độ	3/57 (5,3%)
Tốc độ	2/57 (3,5%)
Kết tinh	1/57 (1,8%)
Âm lượng	1/57 (1,8%)
Độ nhìn	1/57 (1,8%)
Hương vị	1/57 (1,8%)
Trạng thái tinh thần	1/57 (1,8%)
Độ ẩm	1/57 (1,8%)
Độ bén sắc	1/57 (1,8%)
Độ chín	1/57 (1,8%)
Lực	0
Số lượng	0
Hiện hữu	0
Đức tính	0
Trọng lượng	0
Độ nguyên	0

### 2.2. Tác dụng của từ ngữ “cực cấp” trong các bài tập đọc ở sách Tiếng Việt 5

Cùng với các lớp từ ngữ khác, lớp từ ngữ “cực cấp” trong những bài tập đọc lớp 5 được sử dụng theo từng chủ điểm không chỉ nhằm giáo dục tâm hồn, nhân cách mà còn mục đích cung cấp kiến thức về từ vựng tiếng Việt, giúp HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt sao cho hay, đẹp, phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống giao tiếp. Đặc biệt, trong dạy học luyện từ và câu và làm văn miêu tả, từ ngữ “cực cấp” - thường được gọi là từ gợi tả, giúp HS miêu tả đặc điểm về tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng hết sức sinh động.

(Xem tiếp trang 77)

Sản phẩm nghệ thuật	Làm đồ gốm, điêu khắc, làm thơ, đồ mỹ nghệ
Ân phẩm truyền thông	Các bài hướng dẫn tìm hiểu lịch sử, giới thiệu các dịch vụ, tài liệu điều tra, sách hướng dẫn
<b>Đa phương tiện</b>	
Bài trình bày	Đề cương trình bày thuyết minh, phát biểu gây cảm hứng, tranh luận ủng hộ - phản đối, phân tích nghiên cứu
Thể hiện kỹ năng	Tiến trình thí nghiệm khoa học, những hướng dẫn thao tác kỹ năng, tư vấn cho người học lớp dưới
Tính sáng tạo trình diễn	Nghệ thuật biểu diễn, ngôn ngữ văn học,
Mô phỏng	Đóng vai, tái hiện các sự kiện lịch sử

Trong suốt tiến trình dự án, các công cụ được phối hợp sử dụng tùy vào từng thời điểm. Mỗi kỹ thuật giúp đánh giá năng lực người học.

### 3. Kết luận

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học

quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học hiện đại như: định hướng vào người học, định hướng hành động, dạy học giải quyết vấn đề và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc đào tạo năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của người học.

### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hương Trà, 2007, *Dạy học dự án và tiến trình thực hiện*, Tạp chí giáo dục, 157, kỳ 1-3.
2. Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Diệu Thảo, 2004, *Dạy học theo dự án – Phương pháp có chức năng kép trong đào tạo giáo viên*. Tạp chí giáo dục, 80.
3. Nguyễn Thanh Nga, Đỗ Hương Trà, 2010. *Dạy học dự án cho sinh viên kỹ thuật và kết quả đạt được*, Tạp chí khoa học, 05, Huế.

## Nghiên cứu, khảo sát lớp từ ngữ... (tiếp theo trang 47)

Cùng là màu rất vàng nhưng mỗi màu vàng “cực cấp” có đặc điểm riêng, khác nhau của từng sự vật, hiện tượng mà tác giả đã quan sát, nhận ra, cảm nhận và dùng từ ngữ “cực cấp” miêu tả thích hợp.

Chính vì thế, trong bài Luyện từ và câu, sách giáo khoa có chú trọng hướng dẫn HS đặt câu có từ ngữ “cực cấp” để miêu tả tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. Ví dụ, trong bài Luyện từ và câu “Tổng kết vốn từ”, sách giáo khoa có dùng các ví dụ như: *đen nhánh, óng á; đen láy; vuông vức; trắng trẻo, nhẵn nheo, ...* để hướng dẫn HS tìm các từ ngữ miêu tả mái tóc, đôi mắt, khuôn mặt, làn da của con người (Tiếng Việt 5, tập 1, tr. 151).

Để có thể sử dụng được những từ ngữ “cực cấp” như trên đòi hỏi HS phải có vốn từ ngữ “cực cấp” phong phú, biết quan sát, cảm nhận được những sắc thái khác nhau của tính chất, trạng thái đối với từng sự vật, hiện tượng.

Như thế, lớp từ ngữ “cực cấp” có vai trò quan trọng trong việc dạy học luyện từ/ câu, làm văn, và có tác dụng giúp HS quan sát, miêu tả hết sức cụ thể, rõ ràng, sinh động về đặc điểm tính chất, trạng thái của sự vật, hiện tượng.

### 3. Kết luận

Từ ngữ “cực cấp” là một lớp từ ngữ trong kho từ vựng tiếng Việt, thể hiện đặc trưng văn hóa, tri nhận của người Việt, được sử dụng phổ biến trong khẩu ngữ và văn chương; và cũng được giảng dạy cho HS

tiểu học. Nhưng việc giảng dạy vốn từ ngữ “cực cấp” cho HS lớp 5 ở trường tiểu học chưa được quan tâm đúng mức. *Thứ nhất*, sách giáo khoa Tiếng Việt 5 không giải thích đầy đủ ý nghĩa của những từ ngữ “cực cấp” xuất hiện trong các bài tập đọc. *Thứ hai*, giáo viên hầu như không giải nghĩa và không chú ý khai thác nét hay, đẹp của những từ ngữ “cực cấp” hành chức trong các ngữ liệu dạy học. Từ đó dẫn đến tình trạng HS thường không hiểu ý nghĩa của những từ ngữ “cực cấp”, và ít áp dụng chúng vào tập làm văn; nếu có thì nhiều trường hợp dùng từ ngữ “cực cấp” không phù hợp.

Kết quả khảo sát trên đây là cơ sở thực tiễn để chúng tôi thực hiện các nghiên cứu tiếp theo về dạy học lớp từ ngữ có ý nghĩa “cực cấp” cho HS tiểu học.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Tiếng Việt 5* (tập 1, 2), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Phạm Hùng Dũng (2013), *Các phương tiện thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Anh)*, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sĩ.
3. Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2002), *Đặc điểm ngữ pháp – ngữ nghĩa của vị từ có yếu tố đứng sau biểu thị mức độ cao trong tiếng Việt*, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sĩ.
4. Marina Prévot (2007), *Cực cấp trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 8.